

Số: 160 /TTr-UBND

Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương,
kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ,
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của
các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần
Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa
phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung

hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án

thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn NSTW năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố xem xét, quyết nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương cụ thể như sau:

1. Tình hình giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2024

Tổng số vốn ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 là 7.564,935 tỷ đồng, đã giao chi tiết 6.169,620 tỷ đồng tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 9 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của HĐND thành phố, còn lại 1.395,315 tỷ đồng chưa giao chi tiết, gồm:

- a) Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 395,315 tỷ đồng.
- b) Bội chi ngân sách địa phương (trái phiếu chính quyền địa phương): 1.000 tỷ đồng.

2. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

UBND thành phố đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công các nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

a) Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: giao 2,610 tỷ đồng cho 07 dự án như sau:

- Sửa chữa hồ bơi huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ: 100 triệu đồng.

- Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường: 120 triệu đồng.

- Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ: 337 triệu đồng.

- Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 475 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Công nghệ cao quận Ô Môn: 710 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy): 316 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ): 552 triệu đồng.

b) Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 81,413 tỷ đồng của 14 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

- Bổ sung 78,803 tỷ đồng của 13 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

c) Số vốn ngân sách địa phương năm 2024 chưa giao chi tiết.

- Qua rà soát, UBND thành phố đề xuất bổ sung các nguồn vốn ngân sách địa phương bố trí cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công là 445,161 tỷ đồng (trong đó, nguồn thu vượt sử dụng đất năm 2023 là 231,573 tỷ đồng, nguồn thu vượt số kiến thiết năm 2023 là 213,588 tỷ đồng).

- Như vậy, tổng kế hoạch vốn các nguồn thuộc ngân sách địa phương chưa giao chi tiết là 1.840,476 tỷ đồng, gồm:

- + Các nguồn vốn ngân sách địa phương: 840,476 tỷ đồng.

- + Bội chi ngân sách địa phương (trái phiếu chính quyền địa phương): 1.000 tỷ đồng.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế về thời gian hoàn thành các thủ tục đầu tư, UBND thành phố sẽ có văn bản đề xuất HĐND thành phố xem xét, tổ chức kỳ họp chuyên đề để giao chi tiết hết kế hoạch vốn năm 2024, phân đấu giao hết kế hoạch vốn trong tháng 9 năm 2024.

(Chi tiết dự án theo Phụ lục số I đính kèm)

3. Bố trí vốn cho các dự án quá thời gian thực hiện

UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố xem xét, chấp thuận cho phép bố trí 40,453 tỷ đồng cho các dự án có thời gian bố trí vốn vượt quá thời gian quy định, Cụ thể:

- a) 07 dự án do thành phố bố trí vốn: 18,181 tỷ đồng.
- b) 09 dự án do huyện Vĩnh Thạnh bố trí vốn: 22,272 tỷ đồng.

Thuyết minh nguyên nhân chậm tiến độ cụ thể từng dự án chi tiết theo Phụ lục II đính kèm; các chủ đầu tư cam kết khi được chấp thuận bố trí kế hoạch vốn sẽ tập trung thực hiện giải ngân hết số vốn được giao.

4. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau*”.

Qua rà soát, đối chiếu UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố xem xét, chấp thuận cho kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 với số vốn là 2,204 tỷ đồng đối với 14 dự án do UBND quận Ô Môn bố trí vốn và cam kết sẽ giải ngân hết số vốn được kéo dài trong năm 2024.

Thuyết minh nguyên nhân không giải ngân hết vốn năm 2023 cụ thể từng dự án chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị./.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố và 03 Phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Ban thuộc HĐND TP;
- Sở: KH&ĐT, TC;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT. HS *me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Việt Trường

Phụ lục số 1
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC NGÀNH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
 (theo theo Trình tự trình số 160/TT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục chủ đầu tư dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu	Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn (2021-2025)		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giam)			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Chi chủ	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương				
													Cán đối NSDP	Sử dụng đất			NSKT
A	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư						3.677.395	2.231.969	2.017.213	1.468.776	278.239	0	0	0	278.239		
I	Bộ Chi huy. quản sự thành phố						6.164	6.164	0	0	2.610	2.610	0	0	2.610		
							159	159	0	0	100	100	0	0	100		
I	Sửa chữa hồ bơi huấn luyện B6 Chi huy. Quản sự thành phố Cần Thơ			Cái Răng	3531/QĐ-BCH ngày 26/12/2023		159	159	100	100	100	100	0	0	100		
II	Sở Tài nguyên và Môi trường						146	146	0	0	120	120	0	0	120		
I	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường			Ninh Kiều	CV 5434/UBND-XDDT ngày 25/10/2021		146	146	0	0	120	120	0	0	120		
III	Sở Khoa học và Công nghệ						337	337	0	0	337	337	0	0	337		
I	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vinum Hom Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ			Ô Môn	2260/UBND-XDDT ngày 23/06/2023		337	337	337	337	337	337	0	0	337		
					354/QĐ-SK/CM ngày 18/12/2023		337	337	337	337	337	337	0	0	337		
IV	Sở Xây dựng						5.522	5.522	0	0	2.053	2.053	0	0	2.053		
I	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050			Tp. Cần Thơ	1230/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		475	475	475	475	475	475	0	0	475		
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn			Ô Môn	1231/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		2.022	2.022	2.022	2.022	710	710	0	0	710		
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)			Bình Thủy	1229/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		1.107	1.107	1.107	1.107	316	316	0	0	316		
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)			Cờ Đỏ	1228/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		1.918	1.918	1.918	1.918	552	552	0	0	552		
B	Vốn thực hiện dự án						3.671.231	2.225.805	2.017.213	1.468.776	278.239	-2.610	-2.610	0	275.629		
I	Sở Tài nguyên và Môi trường						176.158	176.158	107.500	107.500	0	5.072	3.472	1.600	0	5.072	
I	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	7625302	Thới Lai	2148/QĐ-UBND ngày 06/10/2020		81.966	81.966	65.800	65.800	2.794	1.194	1.600	0	2.794	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
					111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024		81.966	81.966	65.800	65.800	2.794	1.194	1.600	0	2.794		
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thới Nốt	B	7625303	Thới Nốt	2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019		94.192	94.192	42.100	42.100	2.278	2.278	0	0	2.278	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
					112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024		94.192	94.192	42.100	42.100	2.278	2.278	0	0	2.278		
II	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn						476.647	476.647	428.698	428.698	6.376	-5.584	0	-5.584	792		
I	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận	B	7855023	Vĩnh Thuận	3076/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		119.697	119.697	102.925	102.925	5.593	-5.459	0	-5.459	134	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu	
					3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		119.801	119.801	108.924	108.924	185	-37	0	-37	148	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu	
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phụng Điền	B	7855024	Phụng Điền	3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		117.181	117.181	107.424	107.424	267	-40	0	-40	227	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu	
					3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		119.968	119.968	109.425	109.425	331	-48	0	-48	283	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu	
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	B	7855026	Cờ Đỏ	3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		1.989.525	544.099	1.620.281	171.844	124.000	-47.008	0	-34.508	76.002		
							1.989.525	544.099	1.620.281	171.844	124.000	-47.008	0	-34.508	76.002		



TT	Đanh mục chủ đầu tư dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2023			Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Ngân sách địa phương		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối NSDP		
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL9B đến Cờ Đỏ)	B	7579491	Bình Thủy		2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022, 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024.	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	321	321	321	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ nông hộ Hoàng Kiên
2	Cầu Rạch Nham và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	7564436	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai		2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016.	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108	1.108	1.108	Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành	
3	Cầu, tuyến đường vào cầu từ Khu TĐC Trương Đại học Y Dược Cần Thơ đến Khu đô thị TĐC Cờ Đỏ	C	7545459	Quận Ninh Kiều, Bình Thủy		2016 - 2023	880/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	25.745	25.745	9.286	16.496	1.000	-1.000	-1.000	-1.000	Do dự án đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, không có khả năng giải ngân trong năm	
4	Đường Thăng Lôi 1 (bỏ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thành Lạc đến Sầu Bơng), xã Thành Lạc, huyện Vĩnh Thuận, thành phố Cần Thơ	C	7604915	Huyện Vĩnh Thuận		2018-2024	2858/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	62.728	62.728	52.769	3.000	3.000	-3.000	-3.000	-3.000	Do dự án đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, không có khả năng giải ngân trong năm	
5	Đường vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 9B, giai đoạn 1: đoạn từ nút giao đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675	B	7619462	Quận Ô Môn, Quận Bình Thủy, Huyện Phong Điền		2017-2024	2863/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	137.185	37.185	11.835	125.350	4.000	-4.000	-4.000	-4.000	Giải ngân từ nguồn vốn NSTW được phê duyệt chi trả giai đoạn đầu năm 2024 với số vốn là 18.505 tỷ đồng (Công văn số 3922/BKHĐ-TH ngày 22/05/2024 của BKHDĐT)	
7	Cầu Kênh Ngang trên đường Tỉnh 922)	C	7863971	Huyện Cờ Đỏ		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.372	137.372	137.161	40.510	90.000	-28.027	-28.027	-28.027	61.973	Do dự án vướng mặt bằng kè di, không có khả năng giải ngân hết số vốn được giao trong năm
8	Sân chơi, cầu tạo Tru sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	C	7885992	Quận Ninh Kiều		2023-2025	1568/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	900	26.000	-12.500	-12.500	-12.500	13.500	Dự án triển khai chậm so với kế hoạch, không giải ngân hết vốn
IV	Số Lao động, thương binh và xã hội							18.004	18.004	17.508	13.180	4.328	-1.000	0	-1.000	3.328	
I	Năng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiệm ma túy thành phố Cần Thơ	C	7879529	TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2022-2024	4554/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	4.328	-1.000	-1.000	-1.000	3.328	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu
V	Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Cần Thơ							9.132	9.132	9.416	7.790	1.095	0	0	-439	656	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu
I	Cán tạo khởi nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều		2022-2024	272/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132	9.132	9.416	7.790	1.095	-439	-439	-439	656	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu
VI	Sở Giao thông vận tải							384.673	384.673	393.644	320.953	27.293	36.422	0	6.481	63.715	
I	Dự án cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7861307	Phong Điền		2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021, 1951/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	225.075	225.075	225.088	200.723	7.322	17.030	17.030	17.030	24.352	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Dự án cầu Cờ Đỏ trên đường Tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	B	7861308	Cờ Đỏ		2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021, 3772/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	132.991	132.991	141.949	107.550	12.661	12.780	12.780	12.780	25.441	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Dự án xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải	C	7864599	Bình Thủy		2022-2024	3242/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 2110/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	26.607	26.607	26.607	12.680	7.310	6.642	6.481	131	13.922	Thanh toán khối lượng hoàn thành
VII	Sở Khoa học và Công nghệ							35.375	35.375	35.693	14.950	18.179	-1.600	-1.600	0	16.516	Dự án hoàn thành không còn khối lượng thanh toán cho nhà thầu, đang trình quyết toán
I	Bảo trì và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	C	7884145	Ninh Kiều		2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399	5.399	5.717	5.220	179	-63	-63	-63	116	
2	Sânกีฬา công nghệ	C	7884144	Phong Điền		2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.976	9.730	18.000	-1.600	-1.600	-1.600	16.400	Dự án có việc kiểm được kinh phí ngân sách trong quá trình đầu thầu gói thi công, giám sát thi công trên 13%). Ngoài ra, trong quá trình thi công phát sinh một số nội dung công việc (sơn và chống thấm, chống dột khối nhà và phòng làm việc và khu nhà xưởng, phòng thí nghiệm, hàng rào dự xưởng, cấp nước nên năm 02 khu dự sự lưu) không nằm trong dự toán.
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo							384.975	384.975	381.083	51.633	92.026	0	0	0	92.026	

TT	Danh mục chủ đầu tư dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Ngày lập thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bù trị đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	Ngân sách địa phương		
1	Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng	B	7861066	Cái Răng		2022-2024	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	79.092	79.092	79.593	21.360	21.360	48.023	-24.200		-24.200	23.823	Do thời gian thi công kéo dài và phát thực hiện điều chỉnh thiết kế chi phí đầu tư nên cần điều chỉnh kế hoạch.
2	Trường THCS và THPT Tân Lộc	C	7861067	Thới Nét		2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39.995	39.995	39.722	11.907	11.907	18.681	7.900		7.900	26.581	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	C	7861068	Ô Môn		2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24.989	24.989	24.779	6.539	6.539	9.141	7.300		7.300	16.441	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Trường THCS và THPT Thới Thuận	C	7861065	Thới Nét		2022-2024	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.588	11.807	11.807	16.781	9.000		9.000	25.781	Thanh toán khối lượng hoàn thành
IX	UBND quận Bình Thủy							104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	0	933	0	933	933	
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	7783948	Bình Thủy		2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	933		933	933	Chi trả các chi phí cơ bản sau quyết toán dự án hoàn thành
X	UBND huyện Phong Điền							292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	4.342	10.747	0	10.747	15.089	
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161		1.576		1.576	1.576	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân
2	Đường GTNT Vàm Xương - Ba Láng	C	7781680	Phong Điền		2022-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.453	120.453	101.066	96.664	96.664	4.342	9.171		9.171	13.513	Thanh toán khối lượng hoàn thành và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân

Phụ lục số II
DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH
 (Kèm theo Tờ trình số 160 /TT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

TT	Dan h mục dự án	hóm dự án A/B/C	Đia đi em xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		
	Tổng số					2.380.056	1.034.630	603.584	710.630	40.453		
A	Dự án do thành phố bố trí vốn					2.167.102	821.676	433.183	548.336	18.181		
I	Sở Tài nguyên và Môi trường					176.158	176.158	141.697	107.900	5.072		
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thuận Lai	B	Thuận Lai	2020-2024	2148/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	81.000	65.800	2.794		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thuận Ninh	B	Thuận Ninh	2020-2024	2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	2.278		Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố					1.594.202	248.776	29.558	88.588	1.429		
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn I từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	Bình Thủy - Ô Môn - Thuận Lai - Cờ Đỏ	2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hồ Hoàng Kiên
2	Cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	Quận Ô Môn, huyện Thuận Lai	2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	1.108		Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành
III	UBND quận Bình Thủy					104.597	104.597	50.000	97.023	933		
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	Bình Thủy	2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	933		Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành
IV	UBND huyện Phong Điền					292.145	292.145	211.928	254.825	10.747		
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	Phong Điền	2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	1.576		Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân



TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Chi chú		
					TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
2	Đường GTNT Vàm Xáng - Ba Láng	C	Phong Điền	2022-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	96.664	96.664	9.171	Thanh toán khối lượng hoàn thành và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân		
B	Dự án do quận, huyện bố trí vốn					212.954	212.954	162.294	162.294	22.272			
						212.954	212.954	162.294	162.294	22.272			
1	Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 2 (giai đoạn 2) - Diêm Vĩnh Phụng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1905/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	20.482	20.482	17.989	17.989	381	Bố trí vốn để thanh toán giá trị còn lại sau quyết toán		
2	Trường tiểu học thị trấn Thạnh An 3	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7400/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	23.499	23.499	20.911	20.911	1.195	Bố trí vốn để thanh toán giá trị còn lại sau quyết toán		
3	Đường Thầy Kỳ (bờ trái)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7544/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	14.474	14.474	13.945	13.945	150	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2022, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu. Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội dung theo ý kiến của cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu trong quý II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, cam kết thanh toán, tất toán hết số vốn trong năm 2024.		
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh CI (phía C giáp B) thị trấn Thạnh An - xã Thạnh Lợi	C	Vĩnh Thạnh	2022-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59.676	59.676	33.313	33.313	18.575	- Tiến độ thi công đạt 81% - Vương công tác giải phóng mặt bằng, người dân không đồng ý vì thi thu hồi đất, phát lập thủ tục điều chỉnh tuyến dự án, do đó dự án thi công chậm tiến độ, dự án dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2024. Năm 2024 bố trí vốn để thanh toán chi phí bồi thường và khối lượng thi công. Cam kết thanh toán hết số vốn bố trí trong năm 2024		
5	Kè, mở rộng đường kênh Bồn Tổng thị trấn Vĩnh Thạnh	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1318/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	29.706	29.706	26.187	26.187	1.000	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2023, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội dung theo ý kiến của cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu trong quý II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, cam kết thanh toán, tất toán hết số vốn trong năm 2024.		
6	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Thắng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; 2651/QĐ-UBND ngày 5/7/2022 (đc)	10.967	10.967	9.690	9.690	300	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2023, tuy nhiên nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên đến cuối năm 2023 mới hoàn thiện công tác lập báo cáo quyết toán. Năm 2024 dự án sẽ được quyết toán hoàn thành và bố trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt		

TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		
7	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	C	Vĩnh Thành	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.510	1.407	1.407	81	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2022, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu của Công an PCCC. Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội dung theo ý kiến của cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu trong qui II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, thanh toán, tất toán năm 2024.
8	Mở rộng, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thạnh An 1 (điểm áp Phụng Quới A)	C	Vĩnh Thành	2021-2023	1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.348	14.348	19.527	19.240	19.240	345	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2023, tuy nhiên nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên đến cuối năm 2023 mới hoàn thiện công tác lập báo cáo quyết toán. Năm 2024 dự án sẽ được quyết toán hoàn thành và bố trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt.
9	Đường kênh E (đoạn 1,6km từ ngã ba xã Thạnh Lợi đến ranh An Giang)	C	Vĩnh Thành	2020-2021	số 3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.070	38.070	5.000	19.612	19.612	245	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2022, tuy nhiên nhà thầu chậm khắc phục theo ý kiến của đoàn kiểm tra công tác nghiệm thu, chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên cuối năm 2023 dự án mới được quyết toán. Năm 2024 bố trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt.

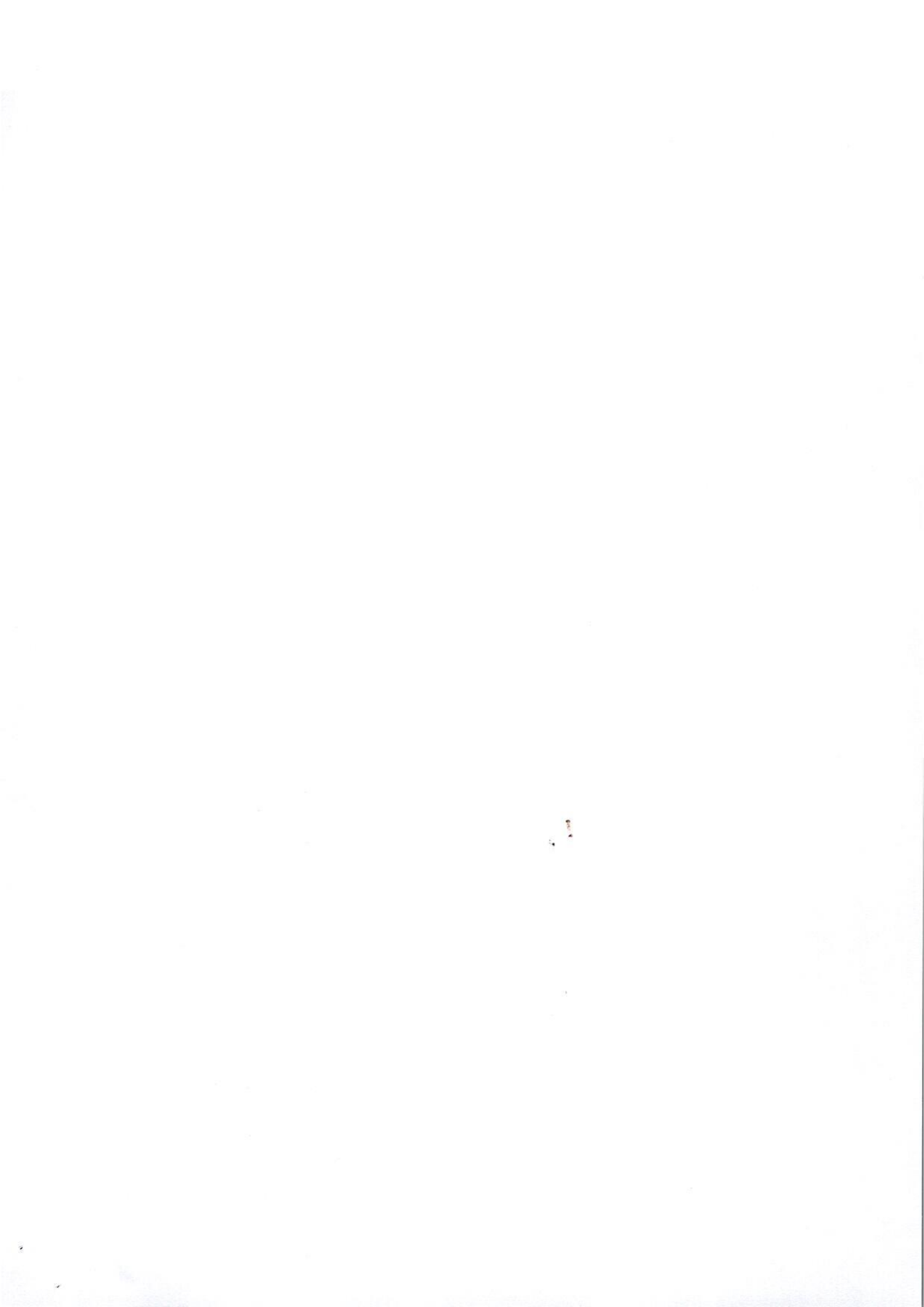


Phụ lục số III
PHẦN KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024
 (Kèm theo Tờ trình số 160 /TT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

D/T: Triệu Đông

TT	Đanh mục dự án	Thóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/dự toán CBĐT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Số vốn để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Lý do để xuất kéo dài (Chỉ đầu tư báo cáo)	Phân loại các trường hợp để xuất kéo dài theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Chỉ chủ
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
	TỔNG SỐ												
B	Dự án do quận, huyện quản lý												
1	UBND quận Ô Môn												
1	Nâng cấp các tuyến đường Trần Ngọc Hoàng	C	2022-2024	3999/QĐ-UBND, ngày 20/7/2022	11.458	11.458	10.000	9.358	641		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
2	Tuyến đường kênh Nhà Lầu	C	2021-2023	6296/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	6.210	6.210	1.324	1.237	86		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thủy Lợi giáp khu vực Bình An	C	2021-2023	10536/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.675	14.675	1.507	1.410	96		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
4	Tuyến đường liên khu vực phường Thới An	C	2021-2023	10537/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.980	14.980	518	294	223		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
5	Tuyến đường từ cầu Rạch Sung giáp phường Thới An	C	2021-2023	10538/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	10.855	10.855	2.301	2.243	58		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
6	Nâng cấp tuyến đường Ba Sè - Ngã Cây	C	2021-2023	10539/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	13.653	13.653	786	668	118		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
7	Tuyến đường rạch Kinh Đình	C	2021-2023	10540/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	11.151	11.151	303	150	153		Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán CBĐT			Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Lý do xuất kéo dài (Chỉ đầu tư báo cáo)	Phân loại các trường hợp để xuất kéo dài theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Chi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
8	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Xương 1	P. Thới Long	C	2022-2024	3105/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022	664	664	542	525	16	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
9	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Cái Sơn	P. Thới Long	C	2022-2024	4475/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	899	899	613	582	30	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
10	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Rạch Chanh	P. Thới Long	C	2022-2024	2775/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022	986	986	738	720	17	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
11	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Thạnh	P. Thới Long	C	2022-2024	4391/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022	1.064	1.064	662	624	37	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
12	Trường Mầm non Thới Long	P. Thới Long	C	2021-2023	10545/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.362	14.362	4.081	3.771	310	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
13	Trường Tiểu học Trưng Vương (điểm Đĩnh)	P. Châu Văn Liêm	C	2021-2023	10546/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.432	14.432	4.664	4.257	407	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở công an phường Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7598/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	978	978	903	891	12	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	





Số: /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương,
kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ,
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của
các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần
Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương
chưa phân bổ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công*

trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án

thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc chi tiết, điều chỉnh nội bộ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn NSTW năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: giao 2.610 triệu đồng cho 07 dự án/đồ án quy hoạch.

2. Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 81.413 triệu đồng của 14 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.
- Bổ sung 78.803 triệu đồng cho 13 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

(Chi tiết dự án theo phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024 của 14 dự án với số vốn là 2.204 triệu đồng. Thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị không vượt số vốn được nêu tại Phụ lục số III đính kèm.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục đầu tư các dự án đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố giao hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiếu

Phụ lục số 1
DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP BỒ TRỢ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIẠN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIẠN QUÝ ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công Trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú		
						TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
Tổng số						785.854	785.854	574.026	622.042	622.042	40.453			
A	Dự án do thành phố bố trí vốn					572.900	572.900	403.625	459.748	459.748	18.181			
I	Số Tài nguyên và Môi trường					176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	5.072			
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thái Lai	B	Thái Lai	2020-2024	2148/QĐ-UBND 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	2.794			
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thái Ninh	B	Thái Ninh	2020-2024	2627/QĐ-UBND 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	2.278			
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố					1.594.202	248.776	29.558	1.434.025	88.588	1.429			
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	Bình Thủy - Ô Môn - Thái Lai - Cờ Đỏ	2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321			
2	Cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	Quận Ô Môn, huyện Thái Lai	2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108			
III	UBND quận Bình Thủy					104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933			
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	Bình Thủy	2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933			
IV	UBND huyện Phong Điền					292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	10.747			
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	Phong Điền	2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.576			

TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú		
						TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
2	Đường GTNT Vàm Xăng - Ba Láng	C	Phong Điền	2022-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	9.171			
B	Dự án do quận, huyện bố trí vốn					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272			
1	UBND huyện Vĩnh Thạnh					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272			
1	Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 2 (giai đoạn 2) Điện Vĩnh Phụng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1905/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	20.482	20.482	18.491	17.989	17.989	381			
2	Trường tiểu học thị trấn Thanh An 3	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7400/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	23.499	23.499	22.548	20.911	20.911	1.195			
3	Đường Thủy Kỳ (bờ trái)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7544/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	14.474	14.474	14.195	13.945	13.945	150			
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh C1 (phía C giáp B) thị trấn Thanh An - xã Thanh Lợi	C	Vĩnh Thạnh	2022-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59.676	59.676	51.930	33.313	33.313	18.575			
5	Kè mở rộng đường kênh Bón Tổng thị trấn Vĩnh Thạnh	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1318/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	29.706	29.706	27.510	26.187	26.187	1.000			
6	Trung tâm văn hóa xã Thanh Thắng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; 2651/QĐ-UBND ngày 5/7/2022 (đc)	10.967	10.967	9.690	9.690	9.690	300			
7	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.510	1.407	1.407	81			
8	Mở rộng sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thanh An 1 (điện áp Phụng Quới A)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.348	14.348	19.527	19.240	19.240	345			
9	Đường kênh E (đoạn 1,6km từ ngã ba xã Thanh Lợi đến ranh An Giang)	C	Vĩnh Thạnh	2020-2021	số 3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.070	38.070	5.000	19.612	19.612	245			

Phụ lục số 11
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC NGUỒN VỐN SÁCH DỰA PHƯƠNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 120/UBND ngày 1 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục chi đầu tư dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu				Lập kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2023				Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Ghi chú
								TMĐT		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSP giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024	Tăng số (giảm số) các nguồn vốn	Niên sách địa phương		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			
								Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Cán đối NSDP	Sử dụng đất	
Tổng số								3.672.395	2.231.969	1.776.339	2.917.213	1.468.776	278.239	0	0	0	278.239			
A	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư							6.164	6.164	6.079	0	0	0	0	0	0	2.610			
1	Bổ Chi hạn quản sự thành phố							159	159	100	0	0	0	0	0	0	100			
1	Sửa chữa hồ bơi huấn luyện Bộ Chỉ huy Quận sự thành phố Cần Thơ						3531/QĐ-BCH ngày 26/12/2023	159	159	100	0	0	0	0	0	0	100			
II	Số Tài nguyên và Môi trường							146	146	120	0	0	0	0	0	0	120			
1	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường							146	146	120	0	0	0	0	0	0	120			
IV	Số Xây dựng							337	337	337	0	0	0	0	0	0	337			
1	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới nhà ở hàng mức tại Xuân thóm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ							337	337	337	0	0	0	0	0	0	337			
IV	Số Xây dựng							5.522	5.522	5.522	0	0	0	0	0	0	2.053			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050							475	475	475	0	0	0	0	0	0	475			
2	Quy hoạch phân khu quy hoạch chung công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn							2.022	2.022	2.022	0	0	0	0	0	0	710			
3	Quy hoạch phân khu xây dựng quy hoạch và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)							1.107	1.107	1.107	0	0	0	0	0	0	316			
4	Quy hoạch phân khu xây dựng quy hoạch và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)							1.918	1.918	1.918	0	0	0	0	0	0	552			
B	Vốn thực hiện dự án							3.671.231	2.228.805	1.770.260	2.917.213	1.468.776	278.239	0	0	0	275.629			
1	Số Tài nguyên và Môi trường							176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	0	0	0	0	5.072			
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thới Núi							81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	0	0	0	0	1.600			
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thới Núi							94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	0	0	0	0	2.278			
II	Trang trại Nông sạch và Vệ sinh môi trường							476.647	476.647	456.000	428.698	428.698	6.376	0	0	0	-5.584			
1	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh							119.697	119.697	114.000	102.925	102.925	5.593	0	0	0	-5.459			
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền							119.801	119.801	114.000	108.924	108.924	1.85	0	0	0	-37			
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai							117.181	117.181	114.000	107.424	107.424	267	0	0	0	-40			
4	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ							119.968	119.968	114.000	109.425	109.425	331	0	0	0	-48			
III	Bản quản lý dự án xây dựng thành phố							1.990.525	544.099	272.692	1.620.281	371.844	124.000	0	0	0	-41.598			

TT	Danh mục chủ đầu tư dự án	Nhiệm vụ dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quỹ định đầu tư ban đầu						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023						Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)						Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Chi phí
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh		Năng sách địa phương		NSKT							
							Trang số (tối đa các sắc nguồn vốn)	Tổng dự vốn NSDP	Tổng số	Tổng dự vốn NSDP	Tổng số (tối đa các nguồn vốn)	Tổng số (tối đa các nguồn vốn)	Tổng số (tối đa các nguồn vốn)	Tổng số (tối đa các nguồn vốn)	Sử dụng đất											
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp gói đầu tư QL91B đến Cơ Đò)	B	7579491	Bình Thủy Ô Môn - Thới Lát - Cờ Đỏ		2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600				321	321	321								
2	Cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	7564436	Quận Ô Môn, huyện Thới Lát		2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988				1.108	1.108	1.108								
3	Cầu, tuyến đường vào cầu từ Khu TĐC Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đến Khu đô thị TĐC Cần Lơng	C	7545459	Quận Ninh Kiều, Bình Thủy		2016 - 2023	880/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	25.745	25.745	9.286	16.496	16.496	1.000			-1.000	-1.000	-1.000		0						
4	Đường Thưng Lát 1 (bê tông - đơn ta luy ben nhân dân xã Thành Lạc đến Sầu Bông), xã Thành Lạc, huyện Vĩnh Thành, thành phố Cần Thơ	C	7604915	Huyện Vĩnh Thành		2018-2024	2858/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	62.728	62.728	52.769	3.000	3.000				-3.000	-3.000	-3.000		0						
5	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, gói đầu tư 1: đơn ta bê tông đường Vành đai sân bay Km1+695	B	7619462	Quận Ô Môn, Quận Bình Thủy, Huyện Dừa		2017-2024	2863/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	137.185	57.185	11.855	125.350	25.350	4.000			-4.000	-4.000	-4.000		0						
7	Cầu Kênh Ngang (tuyến đường Tỉnh 922)	C	7863971	Huyện Cờ Đỏ		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.272	137.372	137.161	40.510	40.510	90.000			-28.027	-28.027	-28.027		61.973						
8	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	C	7885992	Quận Ninh Kiều		2023-2025	1568/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	900	900	26.000			-12.500	-12.500	-12.500		13.500						
IV	Số 1ao động, hương bình và Xã hội							18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	-4.328			-1.000	0	-1.000		3.328						
I	Nâng cấp mở rộng Cơ sở nghiên cứu kỹ thuật phố Cần Thơ	C	7879529	TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2022-2024	4354/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	4.328			0	0	-439		656						
V	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều		2022-2024	2772/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132	9.132	9.416	7.290	7.290	1.095			-439	-439	-439		656						
VI	Số Giáo dục văn hóa							384.673	384.673	393.644	330.953	330.953	27.293			36.422	6.481	29.941		63.715						
1	Dự án cầu Tô Đò, trên đường Tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	B	7861308	Cờ Đỏ		2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021, 3772/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	132.991	132.991	141.949	107.550	107.550	12.661			12.780		12.780		24.441						
2	Dự án XSV đang tư sơ bản việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị tỉnh Sóc Trăng vùng ven biển	C	7864599	Bình Thủy		2022-2024	3347/QĐ-UBND ngày 10/11/2021, 210/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	26.607	26.607	26.607	12.680	12.680	7.310			6.612	6.481	131		13.922						
VII	Số Khoa học và Công nghệ							35.375	35.375	35.693	14.950	14.950	18.179			-1.663	-63	-1.600		16.516						
1	Báo trí, tư sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm KS, thính, tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng Cần Thơ	C	7884145	Ninh Kiều		2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399	5.399	5.717	5.220	5.220	179			-63	-63	0		116						
2	Sửa chữa kho hàng ngày	C	7884144	Phước Đức		2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.976	9.730	9.730	18.000			-1.600	-1.600	-1.600		16.400						

VII	Số Giáo dục và Đào tạo	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Chi chi			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
													Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng	7861066	Cà Mau		2022-2024	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	184.975	184.975	181.682	51.613	51.613	92.626	0	0	0	0	92.626
2	Trường THCS và THPT Tân Lạc	7861067	Thái Nguyên		2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	39.995	39.995	39.722	11.907	11.907	18.681	7.900	7.900	7.900	26.581	
3	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Thái Thuận	7861068	Ô Môn		2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24.989	24.989	24.779	6.539	6.539	9.141	7.300	7.300	7.300	16.441	
4	Trường THPT và THPT Thái Thuận	7861065	Thái Nguyên		2022-2024	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.588	11.807	11.807	16.781	9.000	9.000	9.000	25.781	
IX	UBND quận Bình Thủy	1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	2019-2023	261/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	0	933	0	933	933	
							292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	4.342	10.747	0	10.747	15.089	
X	UBND huyện Phong Điền	1	Khu tái định cư Phong Điền	B	2021-2023	2633/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	0	1.576	0	1.576	1.576	
							233/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	4.342	9.171	0	9.171	13.513
2	Đường GTNT Vàm Xăng - Bô Lãng	7781680	Phong Điền		2022-2023	1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	4.342	9.171	9.171	9.171	13.513	

Phụ lục số III
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/dự toán CBDT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Ghi chú
						TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
TỔNG SỐ						116.368	116.368	28.942	26.731	2.204	
B	Dự án do quận, huyện quản lý					116.368	116.368	28.942	26.731	2.204	
1	UBND quận Ô Môn					116.368	116.368	28.942	26.731	2.204	
1	Nâng cấp các tuyến đường Trần Ngọc Hoàng	P. Long Hưng	C	2022-2024	3999/QĐ-UBND, ngày 20/7/2022	11.458	11.458	10.000	9.358	641	
2	Tuyến đường kênh Nhà Lầu	P. Long Hưng	C	2021-2023	6296/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	6.210	6.210	1.324	1.237	86	
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thủy lợi giáp khu vực Bình An	P. Phước Thới	C	2021-2023	10536/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.675	14.675	1.507	1.410	96	
4	Tuyến đường liên khu vực phường Thới An	P. Thới An	C	2021-2023	10537/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.980	14.980	518	294	223	
5	Tuyến đường từ cầu Rạch Sung giáp phường Thới An	P. Thới Long	C	2021-2023	10538/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	10.855	10.855	2.301	2.243	58	
6	Nâng cấp tuyến đường Ba Se - Ngã Cây	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10539/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	13.653	13.653	786	668	118	
7	Tuyến đường rạch Kinh Đình	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10540/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	11.151	11.151	303	150	153	
8	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Xương 1	P. Thới Long	C	2022-2024	3105/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022	664	664	542	525	16	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/dự toán CBDT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Ghi chú
						TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
9	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Cài Sơn	P. Thới Long	C	2022-2024	4475/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	899	899	613	582	30	
10	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Rạch Chanh	P. Thới Long	C	2022-2024	2775/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022	986	986	738	720	17	
11	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Thanh	P. Thới Long	C	2022-2024	4391/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022	1.064	1.064	662	624	37	
12	Trường Mầm non Thới Long	P. Thới Long	C	2021-2023	10545/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.362	14.362	4.081	3.771	310	
13	Trường Tiểu học Trưng Vương (điểm Đỉnh)	P. Châu Văn Liêm	C	2021-2023	10546/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.432	14.432	4.664	4.257	407	
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở công an phường Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7598/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	978	978	903	891	12	